TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **526**/2024/HC-ST
Ngày: 21/11/2024
V/v khiếu kiện quyết định hành chính về giấy phép kinh doanh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hễ
2. Ông Nguyễn Thành Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thùy Anh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên

Trong các ngày 06 tháng 9, ngày 04 tháng 10, ngày 04 và 21 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 319/2022/TLST-HC ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc "Khiếu kiện hành vi hành chính về giấy phép kinh doanh" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4508/QĐXXHC-ST ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Cư trú: 12L7 khu phố B, phường L, Thành phố B, Tỉnh Đồng Nai

Người đại diện ủy quyền ngày 22/9/2022: Ông Nguyễn H (Có mặt)

Cư trú: C Đ, phường H, Thành phố B, Tỉnh Đồng Nai

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Kim H1 – Luật sư, Đoàn Luật sư tỉnh Đ (Có mặt)

2. Người bị kiện: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H

Trụ sở: I T, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện pháp luật: Bà Nguyễn Thị Mai T – Trưởng Phòng Đăng ký kinh doanh (Vắng mặt)

Người đại diện ủy quyền ngày 05/6/2023: Ông Huỳnh Nhật T1 – Phó Phòng Đăng ký kinh doanh (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Trần Ngọc B – Chuyên viên Phòng Đăng ký kinh doanh (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện gửi ngày 27/9 và 14/11/2022; Bản tự khai ngày 20-27/02; Bảng tường trình ngày 31/3/2023; Đơn trưng cầu giám định chữ ký và Bảng giải trình ngày 04-09/8/2023, người khởi kiện và đại diện ủy quyền trình bày:

Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H (viết tắt Phòng ĐKKD – Sở KH&ĐT Thành phố) cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313594016 (viết tắt Giấy CNĐKDN) đăng ký lần đầu: ngày 29/12/2015 tại địa chỉ số B P, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; đăng ký thay đổi lần thứ 2: ngày 21/6/2017 tại địa chỉ P.702A tầng 7, Tòa nhà C, số A N, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt địa chỉ P.702A tầng 7, Tòa nhà C) cho Công ty Cổ phần Đ (viết tắt Công ty) Thiên Công do ông Vũ Thành C (viết tắt ông C) – Giám đốc.

Ngày 17/10/2016, đại diện Công ty Đ là ông C ký Hợp đồng mua bán căn hộ (B3-10) Charm Plaza số 09-10-16/TC Block B1, tại 30 ĐT 743, khu phố T, huyện D, tỉnh Bình Dương với ông C1, K, quốc tịch Đài Loan nhưng không làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đối với căn hộ như ông C hướng dẫn. Do quen biết với chồng tôi là người có quốc tịch Đài Loan nên có nhờ tôi đứng tên dùm căn hộ này. Giữa năm 2017, tôi đến Công ty Đ gặp ông C và nộp bản sao chứng thực hộ khẩu, Giấy chứng minh nhân dân để hoàn tất hồ sơ xin cấp chủ quyền.

Sau đó, được biết: ông C sử dụng thông tin cá nhân của tôi để đăng ký kinh doanh, lập Công ty nhằm lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên tôi gửi đơn tố cáo và Phòng C2 - Công an tỉnh B chuyển đơn đến Phòng C3 - Công an tỉnh B theo Thông báo số 333/TB-PC02 ngày 04/4/2018.

Ngày 07/8/2018, Phòng ĐKKD – Sở KH&ĐT Thành phố chuyển đơn của tôi gửi ngày 28/6/2018 và hồ sơ đăng ký thay đổi lần 3: ngày 17/11/2017 đến Cơ quan cảnh sát điều tra (viết tắt Cơ quan CSĐT) – Công an quận P để xác minh hành vi giả mạo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của Công ty Đ theo Văn bản số 4629/ĐKKD-T04.

Ngày 31/01/2019, Chi cục Thi hành án dân sự (viết tắt Chi cục THADS) quận P tạm hoãn xuất cảnh tôi tại sân bay T theo Quyết định số 06/QĐ-CCTHADS để thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự (viết tắt Quyết định CNSTT) số 624/2017/QĐST-KDTM ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua đó, được biết: tôi làm Giám đốc, người đại diện pháp luật trong Giấy CNĐKDN đăng ký thay đổi lần thứ 3: ngày 17/11/2017 của Công ty Đ tại địa chỉ P.702A tầng 7, Tòa nhà C.

Không đồng ý và khiếu nại, Chi cục THADS quận P phúc đáp tại Văn bản số 668/CV-CCTHADS ngày 19/3/2019 đối với đơn gửi ngày 14/3/2019 của tôi về việc tố cáo ông C dùng giấy tờ cá nhân của tôi giả mạo hồ sơ đăng ký thay đổi, góp vốn trong Công ty Đ cũng như khiếu nại Quyết định số 06/QĐ-

CCTHADS ngày 31/01/2019 là không thuộc thẩm quyền và việc tạm hoãn xuất cảnh đối với tôi theo Điều 142 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), khoản 1 Điều 51 Nghị định số 62/2015/NĐ0CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ. Tôi tiếp tục khiếu nại văn bản này gửi đến Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/5/2019.

Ngày 20/5/2019, Viện Kiểm sát nhân dân (viết tắt Viện KSND) tỉnh Bình Dương ban hành Cáo trạng số 12/CT-VKS-P1 trong đó có ông C về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản liên quan căn hộ B3-10 bán cho ông C1, K.

Ngày 31/5/2019, Phòng ĐKKD – Sở KH&ĐT Thành phố phúc đáp đơn của tôi gửi ngày 17/5/2019 yêu cầu thu hồi Giấy CNĐKDN của Công ty Đ nêu tại Văn bản số 3353/PĐKKD-T04 là đề nghị tôi cung cấp bản sao hợp lệ văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản khẳng định văn bản do cơ quan đó cấp bị giả mạo hoặc bản sao hợp lệ văn bản kết luận của cơ quan công an về việc nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo để có cơ sở xử lý theo khoản 20 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ.

Ngày 25/7/2019, Phòng ĐKKD – Sở KH&ĐT Thành phố có Văn bản số 4768/ĐKKD-TNXL về không chấp nhận đơn của bà Nguyễn Thị Kim H1 (viết tắt bà H1) đại diện ủy quyền của tôi ngày 26/6/2019 đề nghị cho sao lục hồ sơ đăng ký kinh doanh của Công ty Đ để nộp Công an vì chỉ cung cấp cho cơ quan công an có yêu cầu phối hợp và yêu cầu bà H1 cung cấp văn bản đã hướng dẫn tại Văn bản số 3353/PĐKKD-T04 ngày 31/5/2019.

Ngày 23/8/2019, Phòng ĐKKD – Sở KH&ĐT Thành phố gửi Văn bản số 5589/ĐKKD-TNXL về việc chuyển hồ sơ, tài liệu liên quan đến Công ty Đ và đơn của bà H1 đề nghị Công an Thành phố H (viết tắt Công an Thành phố) có văn bản kết luận: nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 3: ngày 17/11/2017 của Công ty Đ là giả mạo hay không giả mạo theo khoản 3 Điều 62 Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ. Đồng thời, ban hành Văn bản số 5590/ĐKKD-TNXL cho bà H1 về thông tin trên.

Ngày 21/01/2020, Cơ quan CSĐT – C đã chuyển đơn của bà H1 và Văn bản số 5589/ĐKKD-TNXL ngày 23/8/2019 của Phòng ĐKKD – Sở KH&ĐT Thành phố đến Công an quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt Công an quận P) giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 24/11/2020, Cơ quan CSĐT – Công an quận P thông báo kết quả giám định: không có đủ cơ sở để kết luận giám định chữ ký đứng tên "Phạm Thị N" trên các tài liệu có trong hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 3: ngày 17/11/2017 của Công ty Đ và trên các tài liệu do bà Phạm Thị N cung cấp có phải do cùng một người ký ra hay không.

Phòng ĐKKD – Sở KH&ĐT Thành phố gửi Văn bản số 678/ĐKKD-T6 ngày 05/02/2021 và số 1941/ĐKKD-T6 ngày 02/4/2021 đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân (viết tắt Viện KSND) tỉnh Bình Dương và Tòa án nhân dân (viết tắt Tòa án ND) tỉnh Bình Dương xem xét yêu cầu của bà H1 về thu hồi Giấy

CNĐKDN đăng ký thay đổi lần thứ 3: ngày 17/11/2017 của Công ty Đ do ông C … đang bị truy tố theo Cáo trạng số 12/ CT-VKS-P1 ngày 20/5/2019 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự (viết tắt BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 2 Điều 267 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Đồng thời, ban hành Văn bản số 4402/ĐKKD-T6 ngày 09/7/2021 và số 4893/ĐKKD-T6 ngày 20/8/2021 phúc đáp đơn của bà H1 về việc không thu hồi, hủy bỏ Giấy CNĐKDN đăng ký thay đổi lần thứ 3: ngày 17/11/2017 của Công ty Đ hiện Tòa án ND tỉnh B đang giải quyết vụ án liên quan đến ông C … và Công ty Đ do bà N là đại diện theo pháp luật theo qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật trong đó có quyết định thu hồi Giấy CNĐKDN của Công ty Đ theo điểm đ khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp (viết tắt Luật DN) năm 2020 sẽ phối hợp thực hiện theo khoản 5 Điều 75 Nghị định số 101/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ.

Ngày 12/01/2022, bà H1 gửi đơn khiếu nại Phòng ĐKKD – Sở KH&ĐT Thành phố sớm ban hành quyết định hủy bỏ hồ sơ đăng ký kinh doanh lần thứ 3: ngày 17/11/2017 của Công ty Đ và rút tên bà N làm đại diện trên cổng thông tin điện tử quốc gia và bồi thường thiệt hại.

Không đồng ý Văn bản số 599/ĐKKD-T6 ngày 28/01/2022 của Phòng ĐKKD – Sở KH&ĐT Thành phố, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy Giấy CNĐKDN của Phòng ĐKKD – Sở KH&ĐT Thành phố cấp cho Công ty Đ đăng ký thay đổi lần thứ 3: ngày 17/11/2017.

Văn bản số 4474/ĐKKD-T6 ngày 03/6/2023, đại diện người bị kiện trình bày:

Phòng ĐKKD – Sở KH&ĐT Thành phố cấp Giấy CNĐKDN cho Công ty Đ đăng ký thay đổi lần thứ 3: ngày 17/11/2017 theo Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ và Luật DN năm 2014.

Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N (viết tắt bà N) theo Văn bản số 58/VKS-P1 ngày 17/3/2021 của Viện KSND tỉnh B là phải đợi kết quả giải quyết vụ án của Tòa án ND tỉnh Bình Dương, Văn bản số 2218/CSKT (Đ4) ngày 30/7/2021 của Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh B, Văn bản số 573/CQCSĐT-ĐCSKT ngày 10/8/2020 của Cơ quan CSĐT – Công an quận P căn cứ vào Kết luận giám định số 1301/KLGĐ-TT ngày 06/7/2020 của Phòng C2 (viết tắt Phòng KTHS) - Công an Thành phố cụ thể là chưa nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định nội dung kê khai hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 3: ngày 17/11/2017 của Công ty Đ trong Giấy CNĐKDN của Phòng ĐKKD – Sở KH&ĐT Thành phố cấp là giả mạo theo khoản 2 Điều 74 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ, điểm a khoản 1 Điều 212 Luật DN năm 2020.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại không thành nên đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Ông Nguyễn H cho biết: bản sao chứng thực Giấy CMND của bà N được tiếp cận từ sao chụp tại Tòa án do người bị kiện cung cấp là của bà N đã giao theo yêu cầu của ông C để làm giấy tờ đứng tên dùm căn hộ cho người bạn ở Đài Loan. Thống nhất ý kiến của bà Nguyễn Thị Kim H1 – Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N theo kết luận giám định ngày 06/8/2024 vì bà N không tham dự họp cổ đông ngày 25/10/2017, không có nhận chuyển nhượng cổ phần, không có lập văn bản thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ cũng như không có lập hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 3: ngày 17/11/2017 được Phòng ĐKKD – Sở KH&ĐT Thành phố cấp đều là giả mạo và cũng tại thời điểm Công ty Đ họp cổ đông ngày 25/10/2017 thì bà N vừa sinh con thứ hai là ngày 14/10/2017 tại Bệnh viện Q. Bà N tự nguyện chịu chi phí đến làm việc với ông C tại Trại giam T2 và giám định chữ ký.

Ông Trần Ngọc B và ông Huỳnh Nhật T1 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của Luật sư và yêu cầu khởi kiện của bà N vì phải có văn bản của cơ quan có thẩm quyền cụ thể là của cơ quan công an xác định nội dung kê khai hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 3: ngày 17/11/2017 của Công ty Đ trong Giấy CNĐKDN của Phòng ĐKKD – Sở KH&ĐT Thành phố cấp là giả mạo.

Đại diện Viện kiểm sát nêu hành vi tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N với những lý do Luật sư trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Xét đơn gửi ngày 27/9/2022 của bà N khởi kiện Phòng ĐKKD – Sở KH&ĐT Thành phố về không thu hồi Giấy CNĐKDN trong hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 3: ngày 17/11/2017 của Công ty Đ nêu tại Văn bản số 599/ĐKKD-T6 ngày 28/01/2022 là loại việc khiếu kiện hành vi hành chính về giấy phép kinh doanh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và còn thời hiệu khởi kiện theo khoản 3 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (viết tắt Luật TTHC), nên chấp nhận.

[2] Xét việc vắng mặt của bà N và bà Nguyễn Thị Mai T nhưng có đại diện ủy quyền tham gia phiên tòa phù hợp khoản 2 Điều 158 của Luật TTHC, nên chấp nhận.

[3] Xét thẩm quyền ban hành của Phòng ĐKKD – Sở KH&ĐT Thành phố đối với Giấy CNĐKDN số 0313594016 đăng ký thay đổi lần thứ 3: ngày 17/11/2017 cấp cho Công ty Đ phù hợp Điều 13 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ.

[4] Xét lời trình bày của ông C được Công an tỉnh B lập (Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp) và đại diện người khởi kiện qua các tài liệu sau:

[4.1] Tại Biên bản hỏi cung bị can (ông C) - tờ 01/03 ngày 07/6/2018 ghi nhận: *"Tất cả 06 (sáu) Công ty do tôi đăng ký thành lập thực tế không hoạt động tại các địa chỉ đã đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đối với Công ty Cổ phần Đ và Công ty C4, tôi lấy địa chỉ nhà A (một) người dân gần nơi tôi ở trọ để đăng ký."*. Qúa trình giải quyết đơn của bà N, Chi cục T3 phúc đáp Văn bản số 221/CCT-KTr3 ngày 20/01/2020 về *"tình hình hoạt động của Công ty Đ tại địa chỉ tầng C, Tòa nhà A, số A L, Phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh hiện đã ra Thông báo bỏ địa chỉ kinh doanh số 1239/TB-CCT ngày 20/11/2017"* và Cơ quan CSĐT – Công an quận P nêu tại Văn bản số 840/CQCSĐT-ĐCSKT ngày 24/11/2020 về việc *"... hiện nay không có Công ty Cổ phần Đ không hoạt động kinh doanh tại địa chỉ số G tầng G, Tòa nhà C, số A N, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh"*.

[4.2] Tại Biên bản hỏi cung bị can (ông C) ngày 05/3/2019 ghi nhận:

"Tôi không quen biết với người nào tên Phạm Thị N.

Sau khi xem hồ sơ chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Đ, tôi xác nhận hồ sơ chuyển nhượng trong Công ty Thiên Công giữa bị can (ông C) với bà Phạm Thị N do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cung cấp là do tôi cung cấp thông tin cho dịch vụ làm giấy tờ (tôi không nhớ người làm dịch vụ là ai) liên hệ Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H để đăng ký hồ sơ chuyển nhượng cổ phần cho tôi. Tôi không nhớ rõ tôi có chứng minh nhân dân của bà Phạm Thị N trong trường hợp nào.

Tôi làm hồ sơ thay đổi trụ sở Công ty Đ và bán cổ phần cho bà Phạm Thị N, giao quyền Giám đốc của Công ty Đ cho bà N vì thời gian đó (tháng 10/2017) các khách hàng mua đất nền dự án The Park L đang tìm tôi để đòi lại tiền cọc. Tôi muốn rút chân ra khỏi Công ty, giao trách nhiệm lại cho bà N và các cổ đông khác có tên trong hồ sơ Công ty Đ để khách hàng không có lý do để đòi nợ tôi vì khi bán đất nền của dự án The Park L cho khách hàng là bán trên danh nghĩa Công ty Đ. ".

Những người đứng tên cổ đông trong Công ty Đ từ khi Công ty Đ thành lập đến nay không ai biết họ có tên trong hồ sơ Công ty. Tất cả chữ ký của các cổ đông trong hồ sơ đăng ký thành lập Công ty là do tôi tự ký ra.

Tất cả các chữ ký của Giám đốc và các chữ ký của các cổ đông trong 06 Công ty do tôi lập ra là do tôi tự ký, viết ra. Những người có tên trong hồ sơ thành lập Công ty không biết việc họ là cổ đông trong Công ty và không có ký tên trong hồ sơ thành lập Công ty.".

[4.3] Tại phiên tòa, ông Nguyễn H xác định: Giấy chứng minh nhân dân số 272804570 ngày 28/01/2016 của Công an tỉnh Đ (viết tắt Giấy CMND) cấp tên Phạm Thị N được Văn phòng C5, thành phố B, tỉnh Đồng Nai chứng thực bản sao ngày 10/8/2017 (tài liệu của người bị kiện cung cấp cho Tòa án trong hồ sơ thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ nộp ngày 25/10/2017 cho Phòng ĐKKD – Sở KH&ĐT Thành phố) là của bà N giao cho ông C để làm thủ tục đứng tên dùm căn hộ cho ông C1, K, quốc tịch Đài Loan.

[4.4] Qua dẫn chứng trên khẳng định: mối quan hệ giữa ông C – Giám đốc Công ty Đ theo Giấy CNĐKDN của Phòng ĐKKD – Sở KH&ĐT Thành phố cấp đăng ký thay đổi lần thứ 2: ngày 21/6/2017 với bà N chỉ là giao dịch mua bán căn hộ như bà N nêu tại Bản giải trình ngày 04/8/2023 (tài liệu phục vụ cho công tác giám định chữ ký của bà N) là có căn cứ.

[5] Xét các tài liệu do người bị kiện cung cấp bản chính hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật (phục vụ cho công tác giám định chữ ký) của Công ty Đ nộp cho Phòng ĐKKD – Sở KH&ĐT Thành phố bao gồm: Đại hội đồng cổ đông số 01/2017/QĐ (ký hiệu A1), Thông báo số 01/2017/TB (ký hiệu A2), Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/2017/BB (ký hiệu A3), Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần (ký hiệu A4) mang tên "Phạm Thị N" ký cùng ngày 25/10/2017 được xác định: *"Chữ ký đứng tên Phạm Thị N trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ ký đứng tên Phạm Thị N (Phạm Thị N) trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M21 là không phải do cùng một người ký ra"* theo Kết luận giám định số 4019/KL-KTHS ngày 06/8/2024 của Phân viện Khoa học hình sự Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ C6. Như vậy, hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ nêu trên là giả mạo như Luật sư trình bày là có căn cứ. Phòng ĐKKD – Sở KH&ĐT Thành phố ban hành Văn bản số 599/ĐKKD-T6 ngày 28/01/2022 phúc đáp đơn khiếu nại gửi ngày 12/01/2022 của bà H1 (đại diện ủy quyền của bà N) về việc hủy giấy đăng ký kinh doanh giả mạo của Công ty Đ đối với bà N nêu trên là chưa nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký của Công ty Đ là giả mạo theo Điều 74 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ là có cơ sở. Đến ngày 27/5/2022, Tòa án ND tỉnh Bình Dương tuyên hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Thành C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo Bản án số 79/2022/HS-ST nhưng ông C không kháng cáo.

[6] Từ sự phân tích trên, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về yêu cầu khởi kiện của bà N buộc Phòng ĐKKD – Sở KH&ĐT Thành phố thu hồi, hủy Giấy CNĐKDN đăng ký thay đổi lần thứ 3: ngày 17/11/2017 cấp cho Công ty Đ do bà N là Giám đốc theo Điều 75 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ.

[7] Do chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện nên người bị kiện phải chịu án phí sơ thẩm. Ghi nhận ý kiến của đại diện người khởi kiện về bà N tự nguyện chịu chi phí của đại diện Tòa án đến Trại giam làm việc với ông C và chi phí giám định chữ ký. Đồng thời, tuyên quyền kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 và Điều 211 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N:

Hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313594016 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp cho Công ty Cổ phần Đ về đăng ký thay đổi lần 3: ngày 17/11/2017 đối với người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đ là bà Phạm Thị N – Giám đốc.

Buộc Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo qui định pháp luật.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H chịu án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Phạm Thị N số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng theo Biên lai thu số 03618 ngày 02/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Phạm Thị N tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với ông Vũ Thành C tại trại giam T2, huyện H, tỉnh Bình Phước vào các ngày 15/01; 24/9/2024 và chi phí giám định chữ ký theo Phiếu thu số 291 ngày 23/8/2024 của Phân viện Khoa học hình sự Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ C6.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án hay được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo luật định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Mỹ Cúc

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.